

VIỆT NGỮ - THIẾU NHI - CẤP VI

*Thiếu Nhi mọi việc nhỏ to,
tinh thần vâng phục chuyên lo đậm đà.*



VIỆT NGỮ



CHỮ CÁI (= MẪU TỰ) (lettres de l'alphabet) :

Chữ cái là dấu hiệu viết ra, chắp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.

Tiếng Việt có 29 chữ cái:

a, ă, â, b, c, d, đ, e, ê, g, h, i, k, l, m, n, o, ô, ơ, p, q, r, s, t, u, ư, v,
x, y.

NGUYÊN ÂM, PHỤ ÂM và DẤU

(voyelles, consonnes et accents) :

Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép, cùng các dấu.

10 nguyên âm :

a, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.

2 bán nguyên âm :

ă, â

1 bán phụ âm :

q

(ă, â và q không bao giờ đứng một mình nhưng kết hợp với những chữ khác để tạo âm).

16 phụ âm đơn :

b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, r, s, t, v, x.

11 phụ âm ghép :

ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.

ĐIỂM DANH

Họ:

Tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Liên lạc phụ huynh :

☎

E-mail :

Niên khóa 202.....- 202....., lớp:

Giáo viên 1 :

☎

E-mail :

Giáo viên 2 :

☎

E-mail :

Chương trình dạy vần của các sách viết ngữ (đoàn TNTT)

- **Cấp 1** : Các nguyên âm đơn và các phụ âm đầu.
- **Cấp 2** : Vần ghép từ hai nguyên âm đơn. (nền vàng trong bảng)/ Tiếp tục ôn các phụ âm đầu (b, c/ k, ch, d, đ, g/gh, gi, h, kh, l, m, n, ng/ngh, nh, ph, qu, r, s, t, th, tr,v, x) và các dấu giọng (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng).
- **Cấp 3** : Vần ghép từ một nguyên âm và một phụ âm. (nền xanh lá cây trong bảng)
- **Cấp 4** : Các vần có nền đỏ trong bảng.
- **Cấp 5** : Các vần có nền màu xanh nước biển trong bảng.
- **Cấp 6** : Các vần còn lại.

	Vần ghép từ hai hoặc ba nguyên âm							Vần ghép từ nguyên âm và phụ âm							
								Vần phối hợp từ nguyên âm và phụ âm mũi (consonnes nasales)				Vần thanh trắc phối hợp từ nguyên âm và phụ âm miệng (consonnes orales); chỉ đi với dấu sắc hoặc dấu nặng			
	a	e/ê	i	y	o	ơ	u	m	n	nh	ng	c	ch	p	t
a			ai	ay	ao		au	am	an	anh	ang	ac	ach	ap	at
ă								ăm	ăn		ăng	ác		áp	át
â				ây			âu	âm	ân		âng	ác		áp	át
e					eo			em	en		eng*	ec*		ep	et
ê							êu	êm	ên	ênh			êch	êp	êt
i	ia						iu	im	in	inh			ich	ip	it
o	oa	oe	oi					om	on		ong	oc		op	ot
ô			ôi					ôm	ôn		ông	ôc		ôp	ôt
ơ	ơi							ơm	ơn					ơp	ơt
u	ua	ue	ui	uy		uơ*		um	un		ung	uc		up	ut
ư	ưa		ưi				ưu	ưm*	ưn*		ưng	ưc			ưt
iê							iêu	iêm	iên		iêng	iêc		iêp	iêt
oa			oai	oay	oao			oam	oan	oanh	oang	oac	oach		oat
oă								oăm	oăn			oác			oăt
oe					oeo*				oen						oet
oo											oong*				
uâ				uây					uân						uât
uê							uêu*			uênh*			uêch		
uô			uôi					uôm	uôn		uông	uôc			uôt
uy	uya*						uyu*			uynh			uych		uyt
uyê									uyên						uyêt
uơ			uơi				uơu	uơm	uơn		uơng	uơc		uơp	uơt

- * : ec, eng, uơ, ưm, ưn, oeo, uêu, uênh, uya, uyu, oong : vần cho rất ít từ.
- Vần in đậm : oa, oe, uê, uy, uơ : đánh dấu trên nguyên âm thứ hai vì theo nguyên tắc, chúng ta đánh dấu trên nguyên âm mạnh của vần.
Thí dụ : trong vần ao nguyên âm mạnh là chữ a, trong vần oa nguyên âm mạnh cũng là chữ a, trong vần ui nguyên âm mạnh là chữ u, trong vần uy nguyên âm mạnh là chữ y.

Hướng dẫn sử dụng sách Giáo khoa Việt ngữ

1- Tập đọc :

Giảng viên nên thận trọng, cho các em thiếu nhi đọc chậm và phát âm thật rõ. Giảng viên không cần giải thích tất cả các từ vựng. Giảng viên chỉ giải thích từ vựng nếu có câu hỏi.

Yêu cầu : Giảng viên cho các em đọc chung, rồi lần lượt mỗi em đọc một từ, như thế nhiều lần. Nếu thấy dấu giọng không chuẩn thì giảng viên cho ôn lại ngay cách bỏ dấu. Những em nào đọc không đúng hoặc không rõ phải đọc lại và lặp lại, nhiều lần nếu cần.

2-Ngữ vựng :

Học sinh **phải học thuộc lòng** những từ có hình để viết chính tả.

3-

• Học thuộc lòng, địa lí, sử, bài đọc, đối thoại :

Chương trình được soạn với nhiều loại bài khác nhau, để tránh nhàm chán, tạo hứng thú nơi các học sinh. Giảng viên phải tìm cách khuyến khích các học sinh tham gia tích cực trong giờ học. Giảng viên cho đọc, giải nghĩa các từ học sinh không hiểu.

Để giúp dễ nhớ những bài học thuộc lòng, giảng viên nên cho đọc nhiều lần. Lúc đầu cho cả nhóm **lặp lại từng câu**, rồi từng em đọc nguyên bài.

Lưu ý : không nên cho các học sinh viết chính tả những từ có vần khó mà trình độ của lớp chưa đạt tới.

• Bài tập :

- Tập làm câu với một vài từ trong phần 1-(Tập đọc) hoặc trả lời các câu hỏi liên quan trực tiếp đến phần 2-(bài học). Giảng viên để học sinh tìm trước và giúp sửa sau.

- **Để tránh các lỗi chính tả, giảng viên sẽ viết những câu trả lời của các học sinh trên bảng trước khi cho các em viết vào vở.**

• Ca dao : phải học thuộc lòng

DỤNG CỤ HỌC SINH

Ngoài cuốn sách này, các em thiếu nhi cần :

1 cuốn vở khổ A5 để làm bài tập và làm bài kiểm mỗi tuần

Uynh

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Huynh đệ, huynh trưởng, chạy huỳnh huých, khuynh chân, khuynh tay, lưu huỳnh, luỳnh quýnh, khuynh diệp, hoa quỳnh, khuynh hướng.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Nó đứng tay, chân vì nó gậy sự và muốn đánh nhau.
2. Trong phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể, các là những anh chị chuyên hướng dẫn các em thiếu nhi.
3. Khi nghe tiếng mẹ về, nó làm bể cái li vì nó đang mãi xem ti vi và chưa làm bài.
4. Bà em thích ngửi mùi, bà luôn có chai dầu trong giỏ.
5. Hoa thường nở về đêm, có hương rất thơm.
6. Em bé này có ca nhạc, còn em bé kia có khiếu về ngôn ngữ.

3. Bài học



Tình huynh đệ

Những lúc rảnh rỗi, anh em chúng tôi thường ra công viên chơi. Công viên này gần nhà nổi tiếng là đẹp, vì có nhiều loại hoa màu sắc rực rỡ. Đặc biệt là những khóm hoa quỳnh, hoa hồng nở bông đỏ thắm và thơm ngát. Ở đây còn có những hàng cây khuy nh diệp cho bóng mát, cao ngất ngưỡng.

Anh em chúng tôi hay chạy xe đạp men theo bờ hồ, ném bánh mì vụn cho vịt ăn hoặc cho chim ăn. Chúng tôi đạp xe một cách cẩn thận vì có nhiều em nhỏ cũng đến đây nô đùa bên ông bà, cha mẹ. Chúng nó thích chơi đuổi bắt và chạy huỳnh hục không biết mệt.

Bây giờ anh đi học xa, không có dịp đạp xe chung nữa. Mỗi lần tôi ra đây một mình, tôi nhớ anh thật nhiều.

Câu hỏi :

1. Khi nào hai anh em đi chơi ở công viên ?

.....

2. Công viên này như thế nào ?

.....

3. Trò chơi của hai anh em là trò chơi nào ?

.....

4. Công viên này có đông người không ?

.....

5. Tại sao bây giờ người em buồn ?

.....

Uych, Uyt

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ng - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Huých tay, huých chân, chạy huỳnh huých.

Trái quýt, huýt gió, huýt sáo, thổi huýt, suýt ! suýt ! quýt tiên, lờm nguýt,
xe buýt, xuýt xoa, suýt soát, con quýt.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Chị ra dấu và nói « ! » để bảo chúng em là phải giữ im lặng.
2. Khi cần tập trung mọi người, anh huynh trưởng dùng còi thổi
3. Hai em bé này giận nhau : đứng gần thì tay, chân ;
đứng xa thì lờm
4. Em đến trường bằng xe
5. Tuy cách nhau hai tuổi nhưng hai anh em này soát bằng nhau.

3. Đối thoại



Trong Giờ Chơi

Các em học sinh thay phiên tập đối thoại, có thể đổi tên cho thích hợp với nam hoặc nữ.

Mai : Liên ơi ! Chúng mình đi tìm xem Tâm đã ra chơi chưa ?

Liên : Ừ, mình hãy đi vòng ra trước sân, thế nào cũng gặp.

Mai : Tâm ơi, tội mình khát nước quá ! Mình đi mua nước uống nhé.

Tâm : Mình thích một lon Coca Cola lạnh. Hai bạn thích uống gì ?

Liên : Liên chỉ thích một chai nước suối thôi.

Mai : Mai cũng vậy.

Liên : Đây, Liên đưa tiền. Tâm vào xếp hàng mua hết cho ba người nhé.

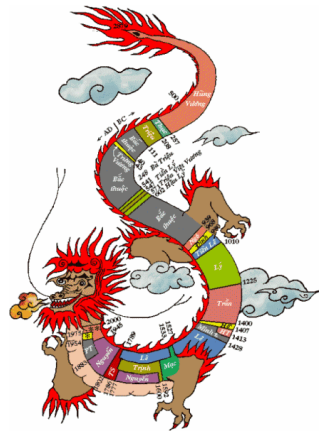
Tâm : Liên bao cho Tâm luôn hả ? Cám ơn nha.

Liên : Dĩ nhiên rồi, không có chi.

Mai : Mình có mang theo một bịch kẹo.

Tâm : Vậy là tuyệt ! Tâm đi mua ngay đây, kéo hết giờ chơi. Tội mình không được mang đồ ăn, thức uống vào trong lớp đâu.

Vỏ quýt dầy có móng tay nhọn



Lịch sử

Ngô Quyền và trận Bạch Đằng

Năm 938, nhà Nam Hán (bên Trung Hoa) sai thái tử Hoàng Thao đem quân qua đánh nước ta.

Ông Ngô Quyền cho lính lấy cọc gỗ nhọn, đầu bọc sắt, đóng xuống lòng sông Bạch Đằng. Chờ lúc nước lên, ông cho quân bơi thuyền nhẹ ra khiêu chiến, rồi bỏ chạy, dụ quân Nam Hán đuổi theo.

Đến lúc nước xuống, Ngô Quyền cho quân đánh ập lại. Quân Nam Hán thua chạy, bao nhiêu chiến thuyền bị cọc nhọn đâm thủng.

Thái tử Hoàng Thao bị Ngô Quyền bắt được và đem chém. Do đó, vua Nam Hán sợ hãi, rút quân khỏi nước ta và không dám sang quấy nhiễu nữa.

Năm 939, ông Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa (nay là tỉnh Phúc Yên). Nước ta từ đó thật sự được tự chủ.

* cần xem thêm tài liệu cuối sách để hiểu diễn tiến lịch sử VN.



Cọc nhọn

Câu hỏi

1- Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán ở đâu ?

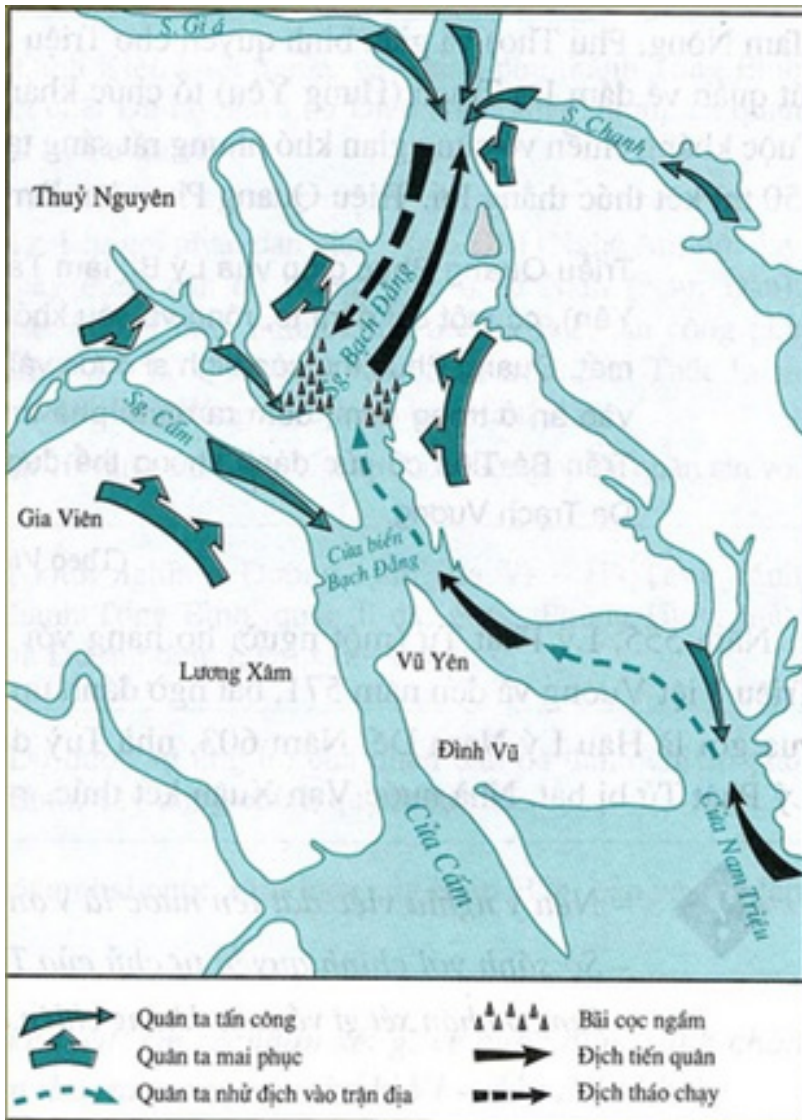
.....

2- Ngô Quyền lên làm vua năm nào ?

.....

3. Ngô Quyền dùng cách nào để chiến thắng quân Nam Hán ?

.....



Sơ đồ trận chiến Bạch Đằng
Ngô Quyền diệt quân Nam
Hán năm 938



Địa lí

Tài nguyên

Nước ta có rất nhiều tài nguyên thiên nhiên.

Về khoáng sản, ta có nhiều mỏ như : than đá (Quảng Ninh), đá phiến (Thừa Thiên), sắt (Gia Lai), ti tan (Thái Nguyên). Nhiều mỏ dầu hiện đang được khai thác trên thềm lục địa. Ngoài ra, đất hiếm tập trung ở vùng Tây Bắc nước ta, chưa khai thác, có trữ lượng đứng hàng thứ ba trên thế giới, chỉ sau Trung Hoa và Hoa Kỳ.

Về lâm sản thì gồm gỗ quý (gỗ, cẩm lai...) và thú rừng (cọp, beo, voi...), nhưng hiện đang cạn kiệt.

Hải sản chính của ta là cá, tôm...

Giải nghĩa :

Tài nguyên : nguồn của cái sẵn có của thiên nhiên.

Khoáng sản : sản vật trong lòng đất, lấy từ các mỏ.

Hải sản : sản vật từ biển.

Lâm sản : sản vật từ rừng.

Đất hiếm : kim loại đất hiếm (terre rare)

Đá phiến : ardoise

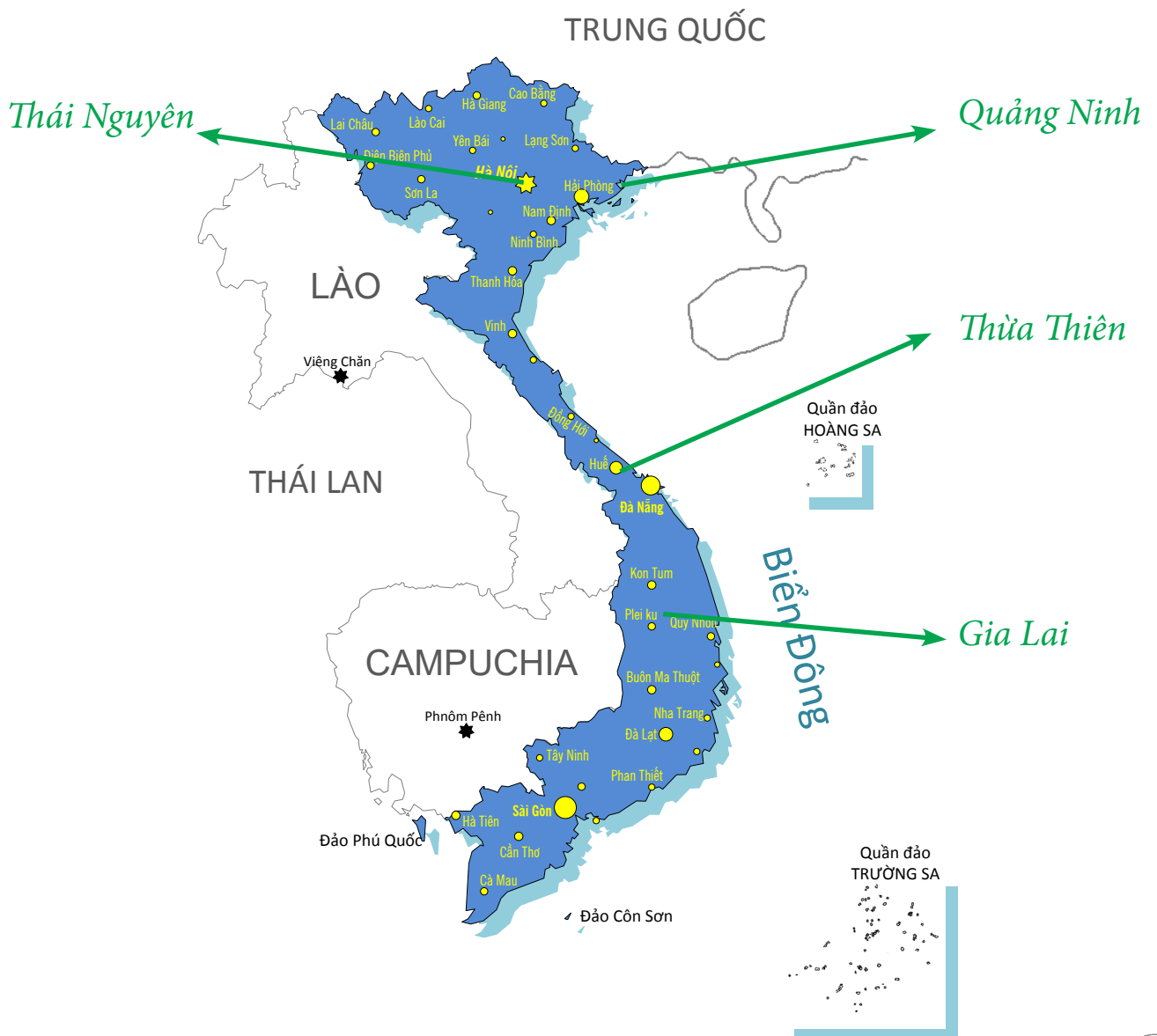
Câu hỏi

1. Các khoáng sản nước ta tập trung ở đâu ?

2. Khoáng sản nào chưa được khai thác ?

3. Lâm sản gồm có những gì ?

4. Hải sản gồm có những gì ?



Uya

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ng - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Đêm khuya, tối khuya, khuya lác khuya lơ, khuya khuya, khuya khoắt, khuya sớm

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Đã nửa đêm, nó vẫn chưa về. Hôm nào nó cũng về lác
- lơ.
2. Công việc đồng áng đòi hỏi phải thức dậy sớm.
3. Anh tôi học sớm, mong sao anh thi đậu.
4. Tôi đi làm về trễ lắm. Anh muốn gặp tôi thì anh đợi khuya anh hãy tới.
5. Càng về, trăng càng sáng.

3. Học thuộc lòng



Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo.
 Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu.
 Phú ông xin đổi một xâu cá mè.
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè.
 Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim.
 Phú ông xin đổi con chim đôi môi.
 Bờm rằng Bờm chẳng lấy môi.
 Phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười.

Thơ lục bát : lần lượt một câu sáu chữ rồi một câu tám chữ. Chữ thứ sáu của câu tám chữ phải vần với chữ thứ sáu của câu sáu chữ.

Cả lớp cùng làm chung một bài thơ tương tự như bài thằng Bờm, với sự hướng dẫn của giảng viên.



Uyu

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

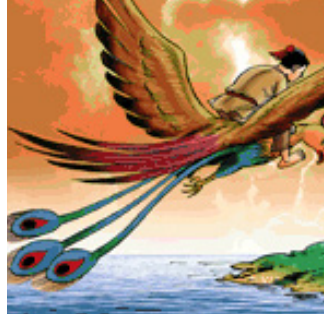
Khúc khuỷu, cánh khuỷu, ngã khuỷu, quýu tay, quýu chân, quýu người, quýu lưỡi, quýnh quýu.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Khi bắt được kẻ gian, cảnh sát thường trối họ giật cánh
2. Đang chạy thì bị vấp bẻ, nó ngã xuống.
3. Lạnh quá đến tay, chân.
4. Những đường đèo thường quanh co, rất khó đi.

3. Bài học



Phượng hoàng và cây khế

Ngày xưa có hai anh em. Khi cha chết, người anh tham lam chiếm hết ruộng vườn, nhà cửa, người em chỉ được cây khế với một túp lều.

Đến mùa trái chín, ngày nào cũng có một con Phượng hoàng bay đến ăn khế. Thấy người em ngồi khóc, Phượng hoàng bảo rằng :

“Ăn trái khế, trả ngàn vàng,

May túi ba gang, mang đi mà đựng”.

Rồi chim công chàng đem đến một hòn đảo kia có đầy vàng bạc. Người em nhặt đầy túi đem về xây nhà, tậu ruộng.

Người anh thấy vậy, xin đổi tất cả sản nghiệp cho em để lấy cây khế. Vốn tính tham lam, vợ chồng người anh bàn nhau may chiếc túi dài, rộng tới mười gang để Phượng hoàng chở người anh đi lấy vàng. Ai ngờ lúc về, bay ngang biển, vàng nặng quá khiến Phượng hoàng chao cánh một bên. Người anh ngã rớt xuống biển và chết.

Tài liệu Bộ Q.G.G.D.

Câu hỏi :

1-Khi cha chết, người anh tham lam như thế nào ?

.....

2-Đến mùa trái chín, chim Phượng hoàng đến làm gì ?

.....

3-Phượng hoàng nói gì với người em ?

.....

4-Vì sao người anh bị chết dưới biển ?

.....



Lịch sử

Đinh Bộ Lĩnh

Sau khi vua Ngô Quyền mất (năm 944), em vợ của ông là Dương Tam Kha lạm quyền khiến cho đất nước rối loạn. Các tướng chia nhau chiếm đất và gây ra loạn Mười Hai Sứ Quân. Các sứ quân này mang quân đánh lẫn nhau khiến cho đời sống dân chúng rất khổ sở.

Ông Đinh Bộ Lĩnh thuở nhỏ hay bày quân tập trận chơi đùa với đám trẻ chăn trâu, lấy bông lau làm cờ.

Lớn lên, ông có tài đánh dẹp được các sứ quân khác và thống nhất đất nước.

Năm 968, ông lên làm vua lấy hiệu là Đinh Tiên Hoàng Đế, đóng đô ở Hoa Lư (nay là tỉnh Ninh Bình) và đặt tên nước ta là Đại Cồ Việt (nước Việt lớn).

* cần xem thêm tài liệu cuối sách để hiểu diễn tiến lịch sử VN.



Mười Hai Sứ Quân

Câu hỏi

1- Lúc nhỏ, Đinh Bộ Lĩnh tập trận với đám trẻ chăn trâu thường lấy gì làm cờ ?

.....

2- Đinh Bộ Lĩnh lên làm vua lấy hiệu là gì ?

.....

3- Đinh Bộ Lĩnh đặt tên nước là gì ?

.....





Địa lí

Dân cư

Theo thống kê năm 2020, dân số Việt Nam có khoảng 97 triệu. Đây là tổng hợp của 54 dân tộc, trong đó có 53 dân tộc thiểu số như : Tày (sống ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên), Thái (ở Sơn La, Lai Châu), Nùng (Lạng Sơn, Bắc Cạn), Hmông (Lai Châu, Sơn La, Gia Lai, Kon Tum), Xơ Đăng (Kon Tum, Đắk Lắk), Ba Na (Gia Lai)... Chiếm khoảng 14% (mười bốn phần trăm) tổng số dân của cả nước. Họ sống rải rác ở các miền rừng núi. Phần còn lại là dân tộc Kinh, sống tập trung ở những đồng bằng và miền duyên hải.

Giải nghĩa :

Thống kê : thu và phân tích các số liệu.

Dân số : số người của một nước hoặc của một vùng.

Dân tộc : dân một nước hay một bộ lạc, cùng chung một tiếng nói, một phong tục, ràng buộc nhau vì quyền lợi chung và phận sự.



Trang phục của người Hmông chủ yếu may bằng vải lanh tự dệt.



Trang phục của người Nùng

Câu hỏi

1- Dân số nước ta năm 2020 là bao nhiêu ?

.....

2-Nước ta có bao nhiêu dân tộc ?

.....

3-Dân tộc nào chiếm đa số ?

.....

4-Các dân tộc thiểu số tụ tập sống ở đâu ? (đồng bằng, cao nguyên)

.....



Trang phục của người Tày Nùng



Trang phục của người Ba Na

Oach

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Kế hoạch, hoạch định, té oạch, oai oách, thu hoạch, hoạch đồ (bản đồ), xoành xoạch.

2. Bài làm

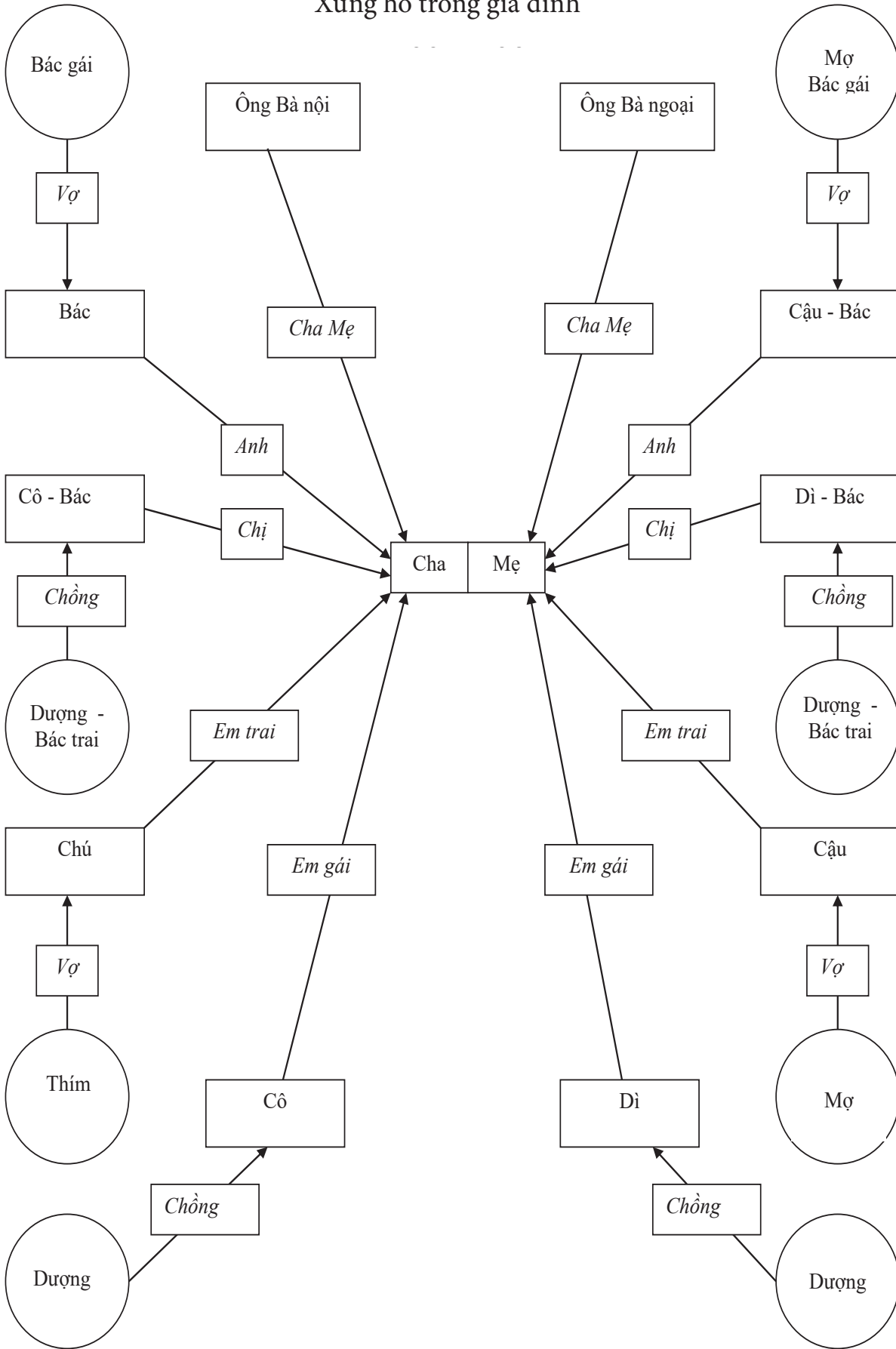
Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Nó khoẻ lắm, làm không ngưng nghỉ.
2. Để giải thích kế chiến tranh, người ta hay dùng đồ để nhận định vị trí.
3. Chúng ta cần làm kế chương trình để có thể xong công việc đúng với thời gian dự định.
4. Con gà giương vai đập cánh trước khi cất tiếng gáy, điệu bộ rất oai
5. Sau mùa cày cấy là mùa thu

3. Bài học (xem hình «Xưng hô trong gia đình»):

1. Ai sinh ra chúng ta ?
2. Ai sinh ra ba của em ?.....
3. Ai sinh ra mẹ của em ?
4. Em trai của ba gọi là gì ?
5. Em gái của mẹ gọi là gì ?
6. Anh của ba gọi là gì ?.....
7. Vợ của cậu gọi là gì ?

Xưng hô trong gia đình



- «duyệt» cũng được gọi bằng «chú»
- Theo cách xưng hô của người Bắc, «bác» là anh hoặc chị của cha, mẹ. Theo cách xưng hô của người Trung và người Nam, «bác» được dùng cho duy nhất anh của cha.

Oao, Oeo

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Ngoao, ngoáo (ộp), mèo kêu ngoao ngoao.

Ngoẻo cổ, ngoéo tay, nằm ngủ khoèo, cây khoèo, con đường ngoắt ngoéo,
ngoằn ngoèo, câu hỏi ngoắt ngoéo

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Khi suy nghĩ chuyện gì, chú tôi thường nghiêng đầu hoặc cổ.
2. Để dọa trẻ em, người ta thường gọi ông kẹ hay ông ộp.
3. Khi thể hứa chuyện gì, các trẻ em hay tay bằng cách móc chéo hai ngón tay vào nhau.
4. Trong rừng rậm, những con đường mòn thường ngoằn, ngoắt rất khó đi.
5. Không ai tìm được giải đáp của bài toán vì câu hỏi quá ngoắt
6. Nó nằm bó chân bó tay, ngủ như con mèo con.

3. Bài học



Con Lợn Đất

Mẹ tôi mua cho tôi một con lợn đất.

Con lợn dài độ gang tay, béo tròn trũng trục, toàn thân nhuộm đỏ. Hai tai và đuôi vất chéo bên hông, có màu xanh lá mạ. Hai mắt lim dim, ti hí, đen lay láy. Cái mõm nhô ra như lúc nó đang chũi ở trong chuồng.

Nhưng lợn của tôi nằm yên, không cựa quậy, rất ngoan, bốn chân quặp lại dưới chiếc bụng phệ phẳng lì.

Nó có mỗi một cái tật ở giữa lưng, một khe hở dài, thẳng, đồng xu chui qua vừa lọt.

Mẹ tôi bảo :

- Mua về cho con nuôi đấy !

Trích từ Văn Lang

Câu hỏi :

1. Con lợn trong bài được làm bằng gì ?

.....

2. Con lợn dài độ bao nhiêu ? Béo hay gầy ?

.....

3. Con lợn có màu gì ?

.....

4. Con lợn có ngoan không ? Tại sao ?

.....

5. Em dùng con lợn để làm gì ?

.....

Oong

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Boong tàu, cái xoong, kính coong, boong boong, xe goòng.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

- 1 Tiếng chuông chùa kêu boong mỗi buổi chiều.
- 2 , chảo là dụng cụ cần thiết để nấu ăn.
- 3 Người ta dùng xe để chở than đá trong các hầm mỏ.
- 4 Giàn chuông của nhà thờ chính tòa ngân nga kính vào lúc 12 giờ trưa.

3. Đối thoại



Kế hoạch nghỉ hè

- Hè này, chị định đi nghỉ ở đâu ?
- **Chị được nghỉ hè năm tuần nhưng chị sẽ không đi đâu hết.**
Chị phải ở nhà để sửa nhà. Còn em ?
- Em định sẽ đi gần nhà, không đi xa như năm trước.
- **Em định đi đâu ? Đi biển hay đi núi ?**
- Em đang do dự chưa biết.
- **Vậy, em đi Nha Trang hay đi Đà Lạt ?**
- Tùy theo em thuê được phòng ở đâu.
- **Em tính đi bằng xe hơi hay máy bay ?**
- Đi xe chị à. Em định cùng với mấy người bạn thuê một chiếc xe du lịch đi chung cho vui.
- **Được như thế thì rất tốt.**



Uênh

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Nói huyên hoang, xuênh xoàng.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Anh ta thích khoe khoang nên đi đâu cũng cười nói
làm ra vẻ hơn người khác.
2. Tuy giàu có nhưng anh ấy ăn mặc rất

3. Bài học

Cơ thể con người

Cơ thể con người là một trong những bộ máy kỳ diệu nhất. Cứ thử tưởng tượng quả tim của chúng ta phải làm việc suốt 70 đến 80 năm không ngừng nghỉ một giây phút nào, thì mới thấy hết được sự kỳ diệu đó.

- Trong suốt một đời người, quả tim đập khoảng 3000 000 000 lần.
- Mỗi ngày, máu thực hiện một cuộc hành trình dài 96 540 cây số trong cơ thể chúng ta.
- Bộ não trung bình của một người có 100 000 000 000 tế bào thần kinh.
- Các xung động thần kinh giữa não và các tế bào được truyền đi với vận tốc 274 cây số giờ.
- Hộp sọ con người được cấu tạo bởi 29 xương khác nhau.
- Cứ mỗi giây qua đi, có 15000 000 triệu tế bào máu bị tiêu huỷ trong cơ thể.
- Cứ mỗi 24 giờ, một người trung bình thở 23 040 lần.
- Không bao giờ bạn hắt hơi mà không phải nhắm mắt !

Trích Wikipédia



Lịch sử

Lê Đại Hành (940-1005)

Khi Đinh Tiên Hoàng mất, con trai là Đinh Toàn mới lên sáu tuổi. Nhà Tống (bên Trung Quốc) thừa cơ kéo quân sang đánh nước Đại Cồ Việt. Lê Hoàn một vị tướng trong triều vua Đinh, được quân sĩ tôn lên làm vua, lấy danh hiệu là Đại Hành Hoàng Đế.

Tháng ba năm Tân Tị (981) quân Tống tràn sang nước ta qua hai ngã :

- đường bộ : do tướng Hầu Nhơn Bảo kéo vào Lạng Sơn,
- đường thủy : do tướng Lưu Trùng kéo vào sông Bạch Đằng.

Vua Lê Đại Hành đem binh thuyền chống giữ ở Bạch Đằng. Đoàn quân Tống tiến vào Chi Lăng (Lạng Sơn) bị quân ta đánh tan và chém được tướng là Hầu Nhơn Bảo. Lưu Trùng không chọc thủng được các tuyến phòng thủ của quân ta, nghe tin Hầu Nhơn Bảo tử trận bèn rút đoàn thủy quân về.

Sau khi giảng hòa với quân Tống, vua Đại Hành mang quân xuống phương nam đánh Chiêm Thành vì nước này bắt giữ sứ thần của ta. Quân ta đánh chiếm kinh thành nước Chiêm và bắt được vua Chiêm. Từ đó, nước Chiêm Thành phải sang triều cống nước ta.

Đến năm 1005, vua Lê Đại Hành mất, thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm.

Câu hỏi

1- Lê Hoàn lên làm vua lấy hiệu là gì ?

.....

2- Quân Tống sang đánh nước ta theo mấy đường ?

.....

3- Vua Lê Đại Hành đem quân chống giữ ở đâu ?

.....

4- Quân ta đánh tan quân Tống ở đâu ?

.....

5- Tại sao Vua Lê Đại Hành đem quân sang đánh Chiêm Thành ?

.....

6- Vua Lê Đại Hành làm vua được bao nhiêu năm ?

.....





Địa lí

Văn hoá

Văn hoá nước ta phát sinh từ nền văn hoá làng xã và văn minh lúa nước của đồng bằng sông Hồng thời Hồng Bàng cổ, pha trộn sắc thái các dân tộc miền núi. Sau này, còn có sự kết hợp với văn hoá của người Hán ở Trung Hoa (phương bắc), người Chăm ở Chiêm Thành (miền trung), người Ấn Độ, người Khmer ở Cam pu-chia (miền nam)... Tất cả đã tạo nên bản sắc phong phú và đa dạng của văn hoá nước ta. Tính đến nay có khoảng bốn ngàn năm.

Đặc trưng cho văn hoá Việt, có thể kể đến : sự tích trầu cau, cái nón lá của người nông dân, chiếc áo dài thướt tha của phụ nữ, đàn bầu trong nghệ thuật. Khía cạnh ẩm thực thì có : phở, chả giò (nem), nước mắm...

Giải nghĩa :

Văn hoá : những phong tục, sinh hoạt cộng đồng tốt đẹp có từ lâu đời, được truyền đạt qua ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, ẩm thực...

Phát sinh : bắt đầu, khởi đầu.

Đa dạng : nhiều mặt, nhiều khía cạnh.

Văn minh : Sự kết hợp đầy đủ các yếu tố tối ưu (tại thời điểm xét đến) để tạo lập, duy trì và phát triển xã hội.

Hồng Bàng : Thời đại thượng cổ lịch sử của nước ta, khoảng gần hai ngàn năm trước Công Nguyên

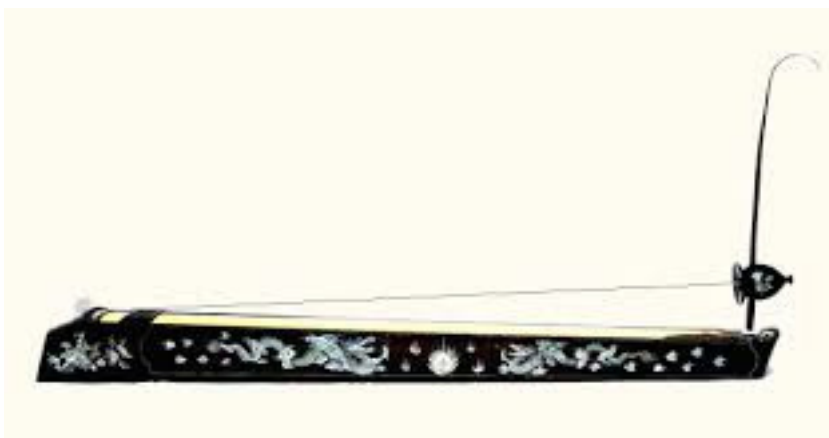
Câu hỏi

1. Văn hoá nước ta phát sinh từ đâu ? Vào khoảng thời gian nào ?

.....
.....

2. Đặc trưng cho văn hoá Việt là những điểm nào ?

.....
.....



Uêch

b- c/k - ch - d - đ - g/gh - gi - h - kh - l - m - n
ng/ngh - nh - ph - qu - r - s - t - th - tr - v - x

1. Tập đọc

Khuyếch trương, khoác, rỗng tuyếch, nguệch ngoạc.

2. Bài làm

Tìm từ đang học để điền vào câu sao cho thích hợp :

1. Anh này hay nói
2. Tiệm bánh của bà em càng ngày càng
3. Cô giáo nói chữ viết của em Phải tập viết ngay
ngắn hơn.
4. Cuối tháng bố hết tiền, túi bố

3. Bài học



Ông già và bốn người con

Một ông lão làm ruộng có bốn người con trai. Một hôm ông gọi cả bốn người con lại trước một cái bàn, trên để một bó đũa và một túi bạc. Ông bảo rằng :

- « Hễ ai bẻ gãy được bó đũa này thì ta cho túi bạc.»

Bốn người con, mỗi người thử một lượt, nhưng không ai bẻ được. Ông lão bèn cời bó đũa ra, bẻ gãy từng chiếc một như chơi.

Thấy vậy, các con cùng lên tiếng :

- « Nếu bẻ từng chiếc một thì dễ chẳng khó gì, thưa cha. »

Người cha bảo :

- « Đúng vậy, các con nên nhớ : muốn có sức mạnh phải đoàn kết. Khi ta chết rồi, các con luôn nhớ đến chuyện bó đũa này. Phải thương yêu và đùm bọc nhau thì mới đủ sức mạnh làm những việc khó khăn. »

Theo Quốc Văn Giáo Khoa Thư

Câu hỏi.

1. Gia đình ông lão có mấy người con ?

.....

2. Người cha nói gì với các con ?

.....

3. Tại sao không ai bẻ gãy được bó đũa ?

.....

4. Câu chuyện này có ý khuyên chúng ta điều gì ?

.....

Sự tích hoa Cúc trắng

Ngày xưa có một cô bé sống cùng mẹ trong một túp lều tranh dột nát. Người cha mất sớm, hai mẹ con phải làm lụng vất vả lắm mới đủ ăn.

Thật không may mẹ của cô bé lại bị bệnh nặng nhưng, vì nhà nghèo nên không có tiền mua thuốc chữa. Cô bé vô cùng buồn bã. Lần kia, cô bé đang ngồi khóc thì bỗng có một ông lão râu tóc bạc phơ đi tới. Ông lão dừng lại hỏi sự tình và nói với cô bé : « Cháu hãy vào rừng, tìm đến bên gốc cây cổ thụ to nhất, hái lấy bông hoa duy nhất trên đó. Nếu bông hoa ấy có bao nhiêu cánh thì mẹ cháu sẽ sống được bấy nhiêu ngày ».

Cô bé liền vào rừng và đi rất lâu, đến lúc mỏi chân mới tìm thấy bông hoa trắng đó. Phải khó khăn lắm cô bé mới trèo lên được để lấy bông hoa. Cô ngắt bông hoa và nâng niu trên tay nhưng bông hoa chỉ có bốn cánh. Cô thì thầm nói : «Chỉ có bốn cánh hoa thôi sao ? Chẳng lẽ mẹ tôi chỉ còn sống được có bốn ngày nữa ?»

Suy nghĩ một lát, cô lẹ tay xé dần mỗi cánh hoa lớn thành những sợi nhỏ. Bông hoa cũng theo đó mà thêm nhiều cánh lên. Nhiều đến mức không thể đếm được nữa.

Cô cầm đóa hoa chạy như bay về nhà. Cụ già tóc bạc đứng ở cửa đón cô và tươi cười nói : « Mẹ cháu đã khỏi bệnh rồi. Đó là phần thưởng cho tấm lòng hiếu thảo của cháu ».

Từ đó, cứ vào đầu mùa thu, những bông hoa nhiều cánh nhỏ, trắng, dài và mượt lại nở rộ trông rất đẹp. Người đời gọi hoa ấy là hoa cúc trắng. Hoa của lòng hiếu thảo.

Câu hỏi :

1. Nhân vật chính trong bài là ai ?
- 2- Tại sao cô bé khóc ?
- 3- Sự kiện gì đã cứu mẹ cô bé ?
- 4- Tìm những tính từ diễn tả về đoá hoa trong bài.
- 5- Hoa này nở vào mùa nào trong năm ?

Bài làm :

1. Sử dụng câu có điều kiện : **Nếu ... thì...**

Tìm câu “ Nếu ... thì... ” trong bài học. Làm ba câu như câu mẫu trong bài học.

.....

.....

.....

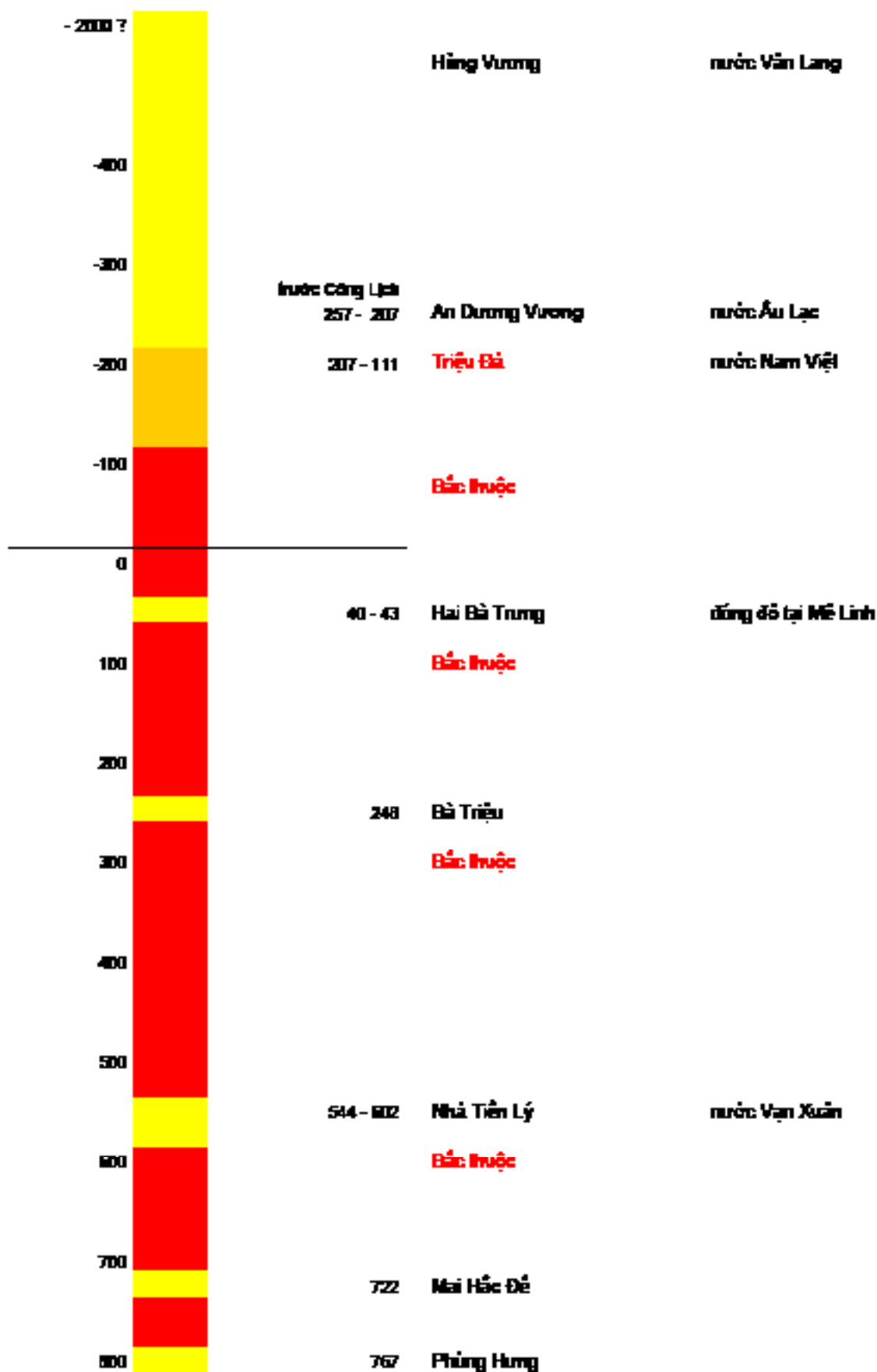
2. Điền các bộ phận của hoa trên sơ đồ sau, theo các từ in đậm : **cánh hoa, đài hoa, nhụy hoa (nhị hoa), phần hoa, cuống hoa.**

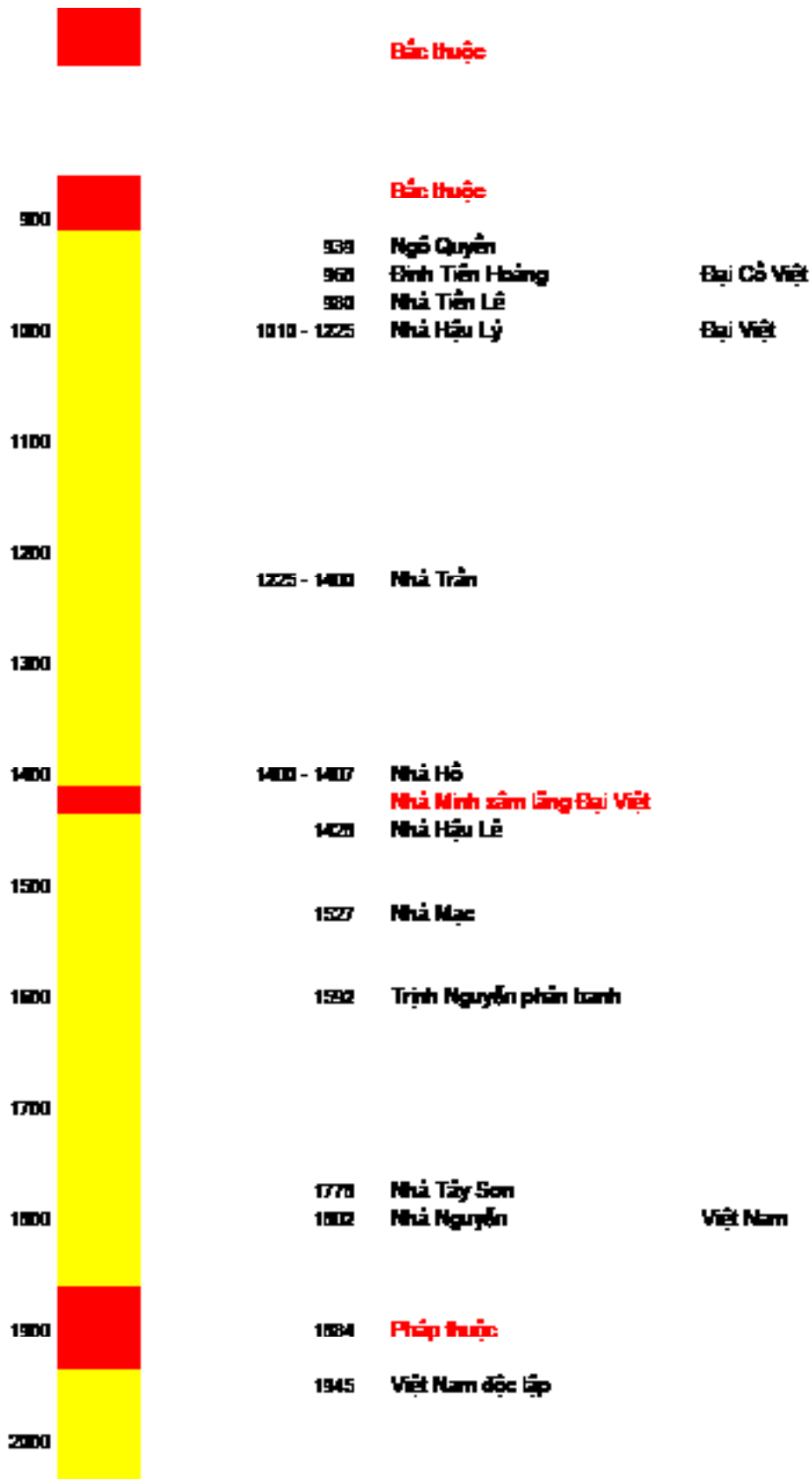


Bản đồ nam tiến



Niên biểu lịch sử Việt Nam





Phụ lục

Viết tắt: dt: danh từ - tt: tính từ - đt: động từ - trt: trạng từ - tng: tục ngữ

H

Huých (donner un coup de coude ; jouer des coudes) : đt. dùng khuỷu tay để xô đẩy.

Huỳnh đệ (fraternel; entre frères) : dt. anh em.

Huỳnh huých (pesamment ;lourdement) : trt.

1. Tiếng đập mạnh, nện mạnh.

Đấm nhau huỳnh huých.

2. ph. không lúc nào bớt vất vả.

Quai búa huỳnh huých suốt ngày; làm huỳnh huých từ sáng đến tối.

Huýt sáo (siffler ; siffloter) : đt. huýt gió.

Chúm môi uốn chót lưỡi và thổi ra cho có tiếng như tiếng sáo.

K

Khuỷu (coude) : dt.

1. khớp xương ở giữa đầu dưới cánh tay và đầu trên hai xương cẳng tay.

2. khớp xương ở giữa đầu dưới xương đùi và đầu trên hai xương cẳng chân.

Khuỳnh tay (replier l'avant- bras, le coude en avant) : đt. bắt cong cánh tay về trước mặt và giơ ngang lên.

Khuynh hướng (inclination; tendance; disposition) : dt. xoay về phía nào

1. Sự nghiêng về một chiều nào.

2. Chiều biến chuyển.

Giá hàng có khuynh hướng giảm.

Khuynh diệp (bot.) eucalyptus) : dt. giống cây cao được trồng để lấy gỗ và tinh dầu.

Khiếu (don ; aptitude ; disposition) : dt. khả năng đặc biệt có tính chất bẩm sinh đối với một loại hoạt động nào đó.

Có khiếu quan sát. Khiếu thâm mĩ cao. Có khiếu hài hước.

Khuya khoắt (tard dans la nuit ; à une heure tardive de la nuit ; à une heure avancée de la nuit) : tt. vào giờ đã muộn trong đêm.

Khúc khuỷu (sinueux) : tt. quanh co, gập ghềnh.

Con đường khúc khuỷu khó đi.

Kế hoạch (plan) : dt. toàn thể những việc dự định làm, gồm nhiều công tác sắp xếp có hệ thống, qui vào một mục đích nhất định và thực hiện trong một thời gian đã tính trước

L

Luýnh quýnh (perplexe; troublé; embarrassé) : tt. lập cập, rối rít mất bình tĩnh.

Lườm (menacer du regard; rouler des yeux torves) : dt. đưa mắt liếc ngang với người nào đó để tỏ ý không bằng lòng hay tức giận.

Lườm bạn về trách móc.

Lườm nguýt (regarder de travers) : dt. lườm và nguýt.

M

Mo (mo cau) (spathe d'aréquier) : dt. quạt mo : éventail en spathe d'aréquier.

N

Nguýt (regarder de travers en signe de reproche) : dt. đưa mắt nhìn nghiêng rồi quay đi ngay, tỏ ý tức giận.

Ra lườm vào nguýt (tng).

Q

Quấy nhiễu (importuner ; ennuyer ; troubler) : đt. phá rối để gây ra sự phiền hà.

Quýnh quýu (troublé et faisant des mouvements désordonnés) : tt. cuống lên, lằng xằng không biết phải làm gì trước, làm gì sau .

Quýu (se crispier) : đt. co rút lại, khó duỗi ra.

Quýu tay, quýu chân.

S

Suýt (fallir; manquer de ; être sur le point de) : đt. chỉ còn một thời gian rất ngắn nữa sẽ xảy ra.

Tôi suýt ngã : j'ai failli tomber;

Nó suýt chết đuối : il a manqué de se noyer.

Suýt soát (= xuýt xoát) (à peu près le même ; presque le même) : gần bằng, chỉ hơn kém một ít ; xấp xỉ.

T

Tậu (acheter une maison, des terres, une voiture, un buffle...) : đt. mua một vật bằng nhiều tiền và có giấy tờ.

X

Xuýt xoa (gémir de douleur) : đt. hít hà, chúm môi hít hơi cho đỡ đau.

Xoành xoạch (constamment; sans cesse) : trt. luôn luôn không ngừng.

Chương trình thay đổi xoành xoạch : programme qui change constamment.

Xuềnh xoàng (simplement; sans façon) : tt. đơn giản đến lôi thôi.

Ăn mặc xuềnh xoàng : s'habiller simplement.

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

Bài làm ở nhà

Ngày tháng năm.....

Trang :

Bài số :

10 Điều Tâm Niệm Thiếu Nhi

- 1 Thiếu Nhi mỗi sáng dâng ngày,
điểm tô đời sống hương bay nguyện cầu.
- 2 Thiếu Nhi Thánh Thể nhiệm mầu,
tôn sùng rước lễ, nhà châu viếng thăm.
- 3 Thiếu Nhi Thánh Giá Chúa nằm,
nhìn lên phần khởi chuyên cần hy sinh.
- 4 Thiếu Nhi nhờ Mẹ đĩnh ninh,
quyết làm gương sáng xứng danh tông đồ.
- 5 Thiếu Nhi mọi việc nhỏ to,
tinh thần vâng phục chuyên lo đậm đà.
- 6 Thiếu Nhi đảm thắm nét na,
nói năng hành động nỡ nà trắng trong.
- 7 Thiếu Nhi bác ái một lòng,
tim luôn quảng đại mới mong giúp người.
- 8 Thiếu Nhi ngay thẳng trọn đời,
nói làm đúng mực người người tin yêu.
- 9 Thiếu Nhi dù khó trăm chiều,
chu toàn bốn phận mọi điều chăm chuyên.
- 10 Thiếu Nhi thực hiện hoa thiêng,
chép ghi mỗi tối cộng biên mỗi tuần.



Phong Trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp
Đoàn Kitô Vua – Paris
